

CHÙA THẦY VÀ CHƯ THÁNH TỔ SƯ

*“Nhớ ngày mừng 7 tháng 3
Trở vào hội Láng trở ra hội Thầy
Nhất vui là hội Chùa Thầy
Tháng 3 mừng 7 nhớ ngày mà đi”.*

Chùa Thầy cổ xưa thuộc núi Sài Sơn, huyện Yên Sơn. Đời Lý gọi là núi Tổ Đà Lạc Già là nơi lưu giữ những hành trạng của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Hoàn phi tôn trí tại chính điện Chùa Trung có ghi: “Bổ Đà dực Thánh”, tức chính nơi đây thôi thúc nuôi lớn căn lành của Thiền sư đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn và tu đắc đến đỉnh cao của Pháp thân. Song đến đời Trần, do nhận thấy công đức cao dày của Đức Thánh - một nhân chứng lịch sử hiện hữu, từ xuất gia đến thành Phật vào ngôi nhà Phật sử của Phật giáo Việt Nam - nên đổi tên là Phật Tích Sơn (*Phật xuất hiện ở núi Sài Sơn*). Qua đến thời Lê, nhân dân cùng du khách thập phương, đặc biệt là các bà chúa về chùa quy y Tam Bảo và cầu học Phật pháp, có nhiều sự linh ứng. Hơn thế nữa, lại được các đời vua ban tặng nhiều sắc phong cùng ruộng vườn để tôn trọng công đức và duy trì chân lí, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, chùa được đổi tên thành Thiên Phúc tự (*Phúc trời ban cho nơi danh lam cổ tự này*).

Tương truyền Chùa Thầy vốn có từ thời Lê Sơ. Khi ấy, chùa chỉ là ngôi thảo am nhỏ nên hoàn phi Chùa Hạ còn ghi: “Hương Hải lưu phương”.

Khi Đức Thánh Chấn Tích về ngôi thảo am này, ngày đêm miệt mài kinh sử, tụng tập Đà La Ni môn và hoằng truyền chính pháp lợi lạc quần sinh, do đó chùa dần dần được xây dựng to đẹp như ngày hôm nay.

Chùa được thiết kế theo kiểu nội công ngoại quốc, ba cấp liền nhau, song song hình chữ tam. Giữa Chùa Trung và Chùa Hạ được kết nối với nhau bởi một trục chính hình ống muống, tạo thành chữ công. Nhìn theo nét thảo là chữ vương, ý nghĩa nói lên ngôi Đại Hùng Bảo Điện to lớn này thờ ba kiếp của Thiền sư Từ Đạo Hạnh: “Làm Tiên, làm Phật rồi làm Vua”. Hai bên đốc chùa có hai dãy hành lang thờ Thập bát La Hán, đầu hai dãy hành lang thiết kế hai tầng, bên tả là gác chuông (bên trên treo một quả chuông nặng 700 kg đúc lại vào thời Tây Sơn), bên hữu là gác trống (bên trên gác có treo một trống Đại cổ đường kính mặt là 1.35 mét để phục vụ cho lễ hội). Tiếp nối với gác chuông và gác trống là nhà Bia kí hậu cũng là nơi sửa soạn lễ nghi. Nối giữa hai đầu nhà Bia là 13 gian nhà hậu, nay là nhà Tổ, nơi thờ những vị có công xây dựng, tu bổ, hậu ruộng và trụ trì Tam Bảo qua các thời kì. Giữa hai dãy nhà hành lang tả, hành lang hữu, gác

chuông, gác trống, nhà oản, nhà bia song song nối với hai đầu của nhà Tổ tạo nên hình chữ vi; nhìn từ trên cao xuống thấy toàn thể khuôn viên chùa hình chữ Quốc. Về kiến trúc của từng công trình thì Chùa Thượng (Đại Hùng Bảo Điện) là cao nhất, mang đậm nét kiến trúc văn hóa nghệ thuật của Chân ngôn Tông thời Lý. Về hình khối thì chùa tạo hình khối rất cường, hai mái tạo dốc đứng, từ bờ cánh, bờ nóc đến con giống, bốn góc đao, diềm mái hoa sen cách điệu, mái lợp ngói mũi hài loại đại, trông thật khỏe khoắn cường thịnh. Trong chùa gồm một gian hai chái, tạo thành ba. Nhưng chung quy lại là một, ý nói rằng thấu cả ba kiếp của Đức Thánh vào một hình thể “*Nhất thế Tam Bảo*”. Về cấu trúc rất đặc trưng, cả một tòa nhà to đồ sộ chỉ có 36 phần khớp mộng, còn lại là chồng kê lên nhau trông rất vững chắc và thông thoáng.

Hệ thống cột trụ to bằng gỗ lim, dưới đế cột là hệ chân đá tảng lớn làm bằng chất liệu đá rập (đá mài) của thời Lý. Đặc biệt trong chùa còn lưu giữ hai cây bằng gỗ quý là Ngọc Am và Trò Vẩy. Xung quanh chùa được trưng bày bằng ván đồ gỗ lim, nhìn vào ta thấy nổi bật những tầng hoa văn: tầng giữa là những cánh hoa sen liên kết, dưới cánh hoa sen là những hình đám mây liên hồi sắc sảo như muốn hòa quyện, nâng đỡ cả ngôi chùa bằng một đóa hoa sen, dưới vân ốc mây là các đợt gờng và đồ gạch. Dưới cùng là hệ thống gạch vồ to hình hòm sớ tạo thế vững chắc và chống ẩm cho hệ thống ván gạch. Trên tầng cánh hoa sen là ván đồ bưng kín, trên ván đồ là hệ thống xà giằng đầu cột, trên xà là hệ thống ván gió được chạm khắc rất tinh xảo mang đậm nét văn hóa Mật tông. Các đầu cũng được

kê xếp lên nhau thứ tự, từ thấp đến cao. Với hàm ý thứ đệ tu hành chắc chắn bền bỉ rõ ràng, sẽ đạt được đến Thượng thừa rốt ráo được thể hiện qua biểu tượng đồ nghi lễ, pháp khí ứng cúng.

Chùa Thượng kiến trúc xuất phát từ tông phái Chân Ngôn, mà Chân Ngôn là lời của Đức Phật và chư Bồ Tát ở trong Đại định nói ra. Yếu quyết của Chân Ngôn tông là “Tam mật gia trì”, tiến đến “Tam mật tương ứng”. Nên một hành giả muốn tu theo Chân Ngôn tông không thể không thấu hiểu lộ trình Phật pháp và không thể không có mật thất để làm phương tiện tu tập. Kiến trúc Chùa Thượng cũng không ngoài ý ấy. Trước khi bước vào chùa, các hành giả không thể không ý thức về giới thân oai nghi, ý thức về ngoại quan và nội tâm ý đạo. Các bậc đá rất nhỏ leo lách phải đi ngang chân, có ý thức như vậy mới đi vững, lại thêm hệ thống bẫy và kẻ rất thấp như muốn nhắc nhở chúng ta phải luôn tỉnh thức coi chừng chướng ngại của thế sự. Hơn nữa khi nhẹ chân cất bước, cần phải tảo凈 giác ngạn trước khi bước qua ngưỡng cửa bức bàn.

Vào trong Chùa Thượng ta thấy toát lên một vẻ tôn nghiêm thần bí bởi sự sắp đặt của hệ thống thờ tự. Xưa kia vào thời Lý, gian giữa Chùa Thượng tạc một bệ đá bách hoa đài và một tòa sen chân giác tôn trí tượng Thiên sư Từ Đạo Hạnh đang nhập định. Bên tả tôn trí một ngôi khám cổ, được phục chế kiến tạo vào thời Mạc. Trong khám tôn thờ tượng nhục thân của Thiên sư. Trước khám thờ là long vị của Ngài. Bên hữu tôn thờ tượng hậu thân tức vua Lý Thần Tông. Dưới bệ long ngai của Ngài là bệ kiến trúc hình khối tọa quan, xung quanh có gắn các

hình thể viên ngọc quý và những hình thể kiến trúc Mật giáo. Trước tượng của Ngài là hai sứ thần nước Chiêm Thành đang phục lễ, bởi triều Lý khi đất đai phía bắc bị thu hẹp thì theo lệ thường phải mở mang bờ cõi xuống phương nam và tây nam.

Đến thời Trần, hệ thống thờ tự của Chùa Thượng còn tạc thêm một bệ đá bách hoa đài, mô phỏng theo bệ đá thời Lý, được đặt lên trên bệ đá cũ thành hai tầng (bệ đá gồm trăm cánh hoa sen). Bốn góc có bốn con linh điểu (chim thần Ga Du Da), đầu chim mình người đang tung cánh nâng đỡ tòa sen chân giác. Phía dưới còn có hình rồng uốn lượn uyển chuyển, xen lẫn những cánh hoa, trái cây như ý, kết liên thông bởi những tràng hạt giới châu và hoa thị cách điệu, làm cho bệ đá trông thật oai nghiêm tráng lệ.

Trên bệ đá là ba pho tượng Tam Thánh Tây Phương được tạc vào thế kỉ XVII, do "Lưỡng quốc trạng nguyên" Phùng Khắc Khoan đi sứ nhà Minh về cúng tiến cùng với việc tu sửa hai bên cầu Nhật - Nguyệt Tiên Kiều. Ba pho tượng Tam thế được kết hợp phong thái giữa Tịnh và Mật, tượng toát lên vẻ Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi thể hiện qua kiến trúc hình khối. Áo tràng của các pho tượng kết hạt ngọc giới châu, số hạt trùng với số câu trong kinh chú Thủ Lăng Nghiêm. Mũ hoa quang có kết chữ vạn, cát tường ở sau mũ đức Đại Thế Chí và Ngài còn kết ấn Đại Tổng Trì, tượng trưng cho trí tuệ và từ bi vô cùng, vô tận và tính bao dung của Phật pháp. Riêng bệ tượng Phật A Di Đà ở phần chính giữa có tạc cây "Như ý", bắt nguồn từ thần thoại Ấn Độ để mô tả thế giới Cực Lạc.

Cây Như ý tượng trưng cho sự cát tường, thanh tịnh và tài vận, đồng thời tượng trưng cho tài bảo vô lậu, phúc trí viên mãn, trường sinh bất tử (Cây Như ý hình vẽ cành lá xum xuê, trùng điệp tươi tốt, đối ứng với cây San hô). Tượng truyền loại cây này sống ở trung ương cõi Tịnh Độ cực lạc, vô cùng to lớn và hùng vĩ. Phía trên là cung điện A Di Đà được vẽ thành cây báu, gốc bằng vàng kim, thân màu trắng bạc, cành màu xanh pha Kim thạch, lá San hô, hoa Trân châu, nhị hoa đá quý và quả Kim cương cấu thành, trên cây được trang trí hoa, tơ lụa châu báu. Đặc biệt trong khám, lưng ngai tựa của tượng nhục thân Đức Thánh còn chạm hình châu báu phát ra những màu sắc rực rỡ, hai bên có hình ngà voi biểu tượng cho sức mạnh của trí tuệ bảo vệ.

Trước bệ bách hoa đài còn bài trí một nhang án làm bằng gỗ vàng tâm chạm khắc tinh rất tinh xảo vào thế kỉ XVII. Ngoài ra hai bên đốc chùa tả hữu còn chạm khắc tứ linh. Điểm nhấn ở đây là hình rồng cuốn quy phục thật mạnh mẽ.

Xuống một cấp là Chùa Trung, kiến trúc Chùa Trung mang hình thể mở thông thoáng phù hợp với yếu tố thờ tự, lễ hội và hoàng truyền chính pháp. Cấu trúc theo kiểu chồng giường giá chiêng, toàn bộ hệ thống cột chính, cột quân đặt ở các vị trí rất hài hòa. Hai đốc có bưng ván đồ lụa và trổ cửa trần song hình dẹt, thôn hai đầu mô phỏng hình chày kim cương. Trên phần cấu kiện đầu cột, được hệ thống xà dầm, xà nách, con chổng giường, kẻ sỏ, đấu kê chổng liên kết lại với nhau thật vững chắc. Trên mái nhà là những con hoành to dài gác lên con chổng, kẻ góc, kẻ búi, kèo cầu, trông rất thông

thoáng mà vẫn đảm bảo độ bền vững bởi cấu kết ở phần dui cầu từ tàu kép lên hệ thống mái liên tục to và dài. Phần lớn hệ thống mái được chốt bằng đinh gỗ nên rất bền và đảm bảo yếu tố tỉ hòa, trên mái được lợp bằng ngói mũi hài loại đại. Bờ cánh, bờ nóc, làm theo lối cổ, bốn góc là những mái đao kép, rồng uốn, mây vờn. Trên bờ hoa tranh có các con Sô, con Ly, Kim nóc, con lạp lấp bờ dui, phần lớn được làm bằng sành gốm nung.

Bên trong nội thất là nơi thờ tượng Chư Phật và Bồ tát hải hội; đặc biệt có 2 pho Hộ Pháp cao sát nóc nhà trông thật đồ sộ, oai nghiêm, đường nét hoa văn uyển chuyển đáng oai hùng. Hai bên góc của Trung điện còn có bốn vị Tứ trấn là:

Tăng Trưởng Thiên Vương

Quảng Mục Thiên Vương

Đa Văn Thiên Vương

Trì Quốc Thiên Vương

Tương truyền Đức Thánh thường ngày chuyên trì tụng chú “Đà-la-ni”, đủ một ức vạn ngàn biến thì một nhóm nhánh cây rơi xuống, đọc chú xong thì cả hai cây thông đều trụi. Một hôm thấy Thần nhân đến, hiện hình trước mặt, chân không dính đất, Đức Thánh hỏi: “Thần nào đó?”. Thần nhân trả lời: “Đệ tử là Tứ trấn Thiên Vương, cảm động đức trì kinh của Đại sư nên đến hầu. Thiết niệm, do tâm cảnh, lực hợp thể nhất như, sinh ra cảm ứng đạo gia khó nghĩ bàn”.

Hai bên tả, hữu thờ Đức Ông và Đức Thánh Hiền Tăng. Chùa đây thờ song tùy, một bên là Đức Ông Cấp Cô Độc Viên và ngài Thái tử Kỳ Đà, cúng cây làm tịnh xá cúng dâng Đức Phật, một bên thờ Đức Thánh Hiền cũng có hai vị sam tùy hai bên là Diện Nhiên Đại sĩ và Bà La Môn Tiên.

Đặc biệt phía sau vách hậu của nơi thờ là chấn song tiện đục hình bông sen nghệ thuật với những khuôn ván chạm rồng mang kiến trúc thời Lê Trung Hưng.

Xuống dưới Chùa Hạ, được thiết kế làm đạo tràng, là nơi An cư kết hạ của Chư tôn thiên đức Tăng Ni và Phật tử thiện tín quy tụ học đạo nghe kinh, tán dương Tam Bảo.

Cũng chính nơi đây trong các dịp lễ hội hằng năm, là nơi tế lễ và kiệu rước lễ của các thôn trong xã tập trung về. Bởi vậy kiến trúc Chùa Hạ cũng được kết thông với Chùa Trung, tạo không gian liên hoàn giữa thánh chúng và thiện sư trang nghiêm thuyết giảng.

Chùa thời xưa rất ít tượng nên không gian thoáng. Đến thời cận đại do điều kiện hoàn cảnh, mới tôn trí thêm một số tượng pháp. Kết cấu giữa Chùa Trung nối với Chùa Hạ là một đường trục quan ống muống. Hai bên thêm xưa kia là những trục xuân la để các hành giả và du khách mỗi khi đi qua thì tâm niệm và tay vịn xoay chuyển Kim Cương Luân Đổ, làm tăng trưởng ý thức, thúc liễm thân tâm, trau dồi chính niệm khi hướng lên Tam Bảo.

Kiến trúc Chùa Hạ được trùng hưng vào đời Hậu Lê, nên phần lớn các hoa văn được trau chuốt sắc sảo. Từ các đồ, mộng, xà, gạch, ván gó, con rồng, thượng diêm, vĩ ruồi, bít đầu hoành, bích phong rốn nhện, các gạch và con sơn cửa cũng được đục chạm tinh xảo mang đậm nét văn hóa Mật tông.

Theo thuyết phong thủy thì chùa được làm trên hàm Rồng, sân chùa là lưỡi Rồng. Thủy đình là hạt ngọc, xung quanh thủy nhiễu bao bọc lấy chùa là ao

Rồng. Vào mùa hội hằng năm, trước nhà Thủy đình đều có biểu diễn múa rối nước, do Đức Thánh Tổ truyền dạy. Thời xưa, khi nền văn hóa chưa được phổ cập, Đức Thánh Tổ đã thông qua các trò chơi, lễ hội để răn dạy đệ tử, dân chúng cấy cày, chăm sóc trâu bò, mùa màng, đắp đê chống lụt, học tập văn hóa, thi khoa bảng, mở lễ hội mừng công, v.v...

Hai bên chùa có hai chiếc cầu cong uốn lượn theo kiến trúc: “Thượng gia hạ kiều” (trên là nhà, dưới là cầu). Bên tả là Nhật Tiên Kiều thông qua hòn đảo nhỏ, trên đảo có đền Tam phủ thờ ba vị thần là: Thần Trời, Thần Đất và Thần Nước. Thần Trời là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thần Đất là vua Diêm La Vương, Thần Nước là vua Long Vương. Bên hữu là cầu Nguyệt Tiên Kiều, bắc qua ao làm đường đi lên núi. Hai cầu này được sửa chữa trùng tu lại vào năm 1602 do ông Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan cúng tiến sau khi đi sứ nhà Minh về. Theo tổng thể cầu Nhật - Nguyệt Tiên Kiều là hai mi mắt Rồng. Hai ao bên trong là mắt Rồng, trông xa xa lấp lánh ẩn dưới những cây đại thụ ngót nghìn năm tuổi như cây trôi, cây đại, cây gạo, cây đa, v.v... càng tăng thêm vẻ huyền bí tạo nên.

Phía sau của chính điện Chùa Thượng là nhà hậu thờ các vị Tổ sư trụ trì qua các đời có 4 bà Chúa. Các bà Chúa khi nhận rõ chân tướng của kiếp phù sinh nên đã tới Chùa Thầy (Thiên Phúc) để quy y Tam Bảo, thụ trì chính pháp, làm nhiều việc có ích cho đạo pháp và dân tộc. Bởi căn lành sẵn có, nên chẳng bao lâu các bà Chúa đã đạt đến đỉnh cao của sự giác ngộ, được tạc tượng ngồi trên tòa sen như bà Chúa Mường, bà Chúa Dừa. Tạo nhiều công đức như bà Chúa Lê Thị

Ngọc Thái hiệu Diệu Chính, bà Tiên phi Đặng Thị Huệ hiệu Diệu Tuệ. Bên cổng đi vào còn có một tòa nhà mang tên Từ Vũ (Quận phu nhân Từ), nơi đây thờ bà Quận phu nhân Nguyễn Thị Điền. Vào thời cuối Lê đầu Nguyễn, bằng uy tín, sức mạnh của gia tộc cùng bỏ tiền của lập kế, mua đất di cư làng chài lưới ven Sông Đáy lên bờ lập làng Phúc Đức, và làm nhiều việc nghĩa khác trong dân. Cho nên ba thôn: Phúc Đức, Thụy Khuê, Sài Khê đã thống nhất với chùa Thiên Phúc và tổng Sài lập từ vũ kí hậu cho ba thôn. Vì vậy, từ đó đến nay cứ mỗi khi hội đến, xuân về là ba thôn tập trung nhân lực vật phẩm tổ chức tế lễ tưởng nhớ ơn xưa và tỏ lòng uống nước nhớ nguồn.

Từ đường 81 trở vào ta thấy có tảng Đá Xanh in dấu chân người xưa, đó chính là nền tảng của Cổng chính Tam Quan Chùa Thiên Phúc (gồm ba gian nhà, có sàn gỗ hai bên) bốn hiên chạy xung quanh và tám mái đao cong. Thời xưa nơi đây nhân dân còn họp chợ phiên.

Qua cầu Nguyệt Tiên Kiều bước lên cổng núi “Bất nhị pháp môn” có vế câu đối: “Đăng cao tự ti, nhất bộ tiến nhất bộ vô vãng bất phục, cá quan hựu cá quan”. Nghĩa là muốn lên cao thì phải đi từ dưới thấp, mỗi bước lại tiến thêm một bước, ý nói sự tu hành có thứ bậc ngày một tinh tiến, tu một phẩm là tiến lên được một bậc giác ngộ.

Men theo sườn núi đá qua hai lần cổng mới lên tới am Hiên Thụy. “Chùa Cao” do chùa dựa vào vách đá cho nên còn gọi là “Đỉnh Sơn tự”. Nơi Hiên Thụy am có hang Thánh Hóa đây chính là động Đức Thánh đã giải thi (trút xác) để trả nốt dư nghiệp do hạnh nguyện xưa, rồi đầu thai làm vua

Lý Thần Tôn. Khi hóa thân, Ngài dùng nội lực (nội chứng đạo) thúc lên đá. Do vậy, xung quanh động đã chịu một lượng nhiệt năng từ pháp thân Ngài tỏa ra nên thấy in hình dấu, vết người, khữu tay, khữu chân và huyết chảy lôm sôm vào đá. Sau 100 ngày mà thân xác Ngài không phân rã lại còn tỏa hương thơm nên các đệ tử cùng dân làng lập khám và rước Ngài xuống Thượng Điện của Chùa Cả để bảo quản và tôn thờ, cho nên trên Thượng Điện có vẽ câu đối “*Vi tiên, vi Phật, vi Quốc vương - Sinh Hóa Tam Thân Lưu Dị Tích*”. Cho đến mãi đời Minh - Vĩnh Lạc, khi quân Minh sang xâm lược nước ta, chúng đã đốt cháy xác của Ngài. Sau đó, dân làng cùng các nghệ nhân tạc tượng theo thể tượng nhục thân ngồi trên ngai báu, rồi nhặt xá lợi cho vào trong tượng. Ở đây muốn nói: Khi tạc tượng các nghệ nhân chú ý đến nền văn hóa nghệ thuật mà đương thời Đức Thánh đã truyền dạy cho dân chúng. Nên thể tượng của Ngài là một hệ tượng người cơ học. Cho nên, hằng năm cứ vào ngày mồng 5 tháng 3 âm lịch nhà chùa cùng nhân dân trong bốn thôn tổ chức lễ Mộc dục (tắm Thánh). Khi tế lễ vào hội cáo yết xong thì mở Khám tượng từ từ đứng lên để đệ tử và nhân dân sái tịnh, thay y áo chỉnh tề, đóng cửa tượng lại từ từ ngồi xuống. Sau lại bao sái long vị bên ngoài và ổn định y áo mũ miều xong, thì ban phụng nghinh tổ chức rước long vị của Ngài xuống ngự chính giữa điện Chùa Trung, để an vị rồi chuẩn bị cho việc tế lễ mở hội. Rước Thánh vào ngày mồng 7 tháng 3 âm lịch ra Quán Thánh cách đây gần 2 km, rước theo tích đi Thần về Phật.

Sau đó, đến chiều ngày mồng 8 tháng 3 âm lịch lại rước Ngài lên trên Thượng Điện hoàn cung an vị đến ngày mồng 10

và ngày 17 tháng 3 âm lịch thì dân làng tổ chức tế lễ tạ hội.

Cũng chính nơi động Hiến Thụy am, thời Lê Quang Thuận, cha của Hoàng hậu Trường Lạc là Nguyễn Đức Trung đi cầu tự, khi đi ngang qua thấy một mảnh đá bay tới, ông cầm về tạo thành tượng Phật để thờ. Sau này, Hoàng hậu nằm mộng rồng vàng bay vào sườn bên trái, nên thấy thụ thai. Rồi sinh ra Hiến Tông khoảng năm Cảnh Thống bèn lập bia am Hiến Thụy khắc vào đá nay vẫn còn.

Trên Chùa Cao là ngôi chùa cổ đẹp, đáng đắp tôn nghiêm, thờ Tam Bảo do Thượng tọa Thích Minh Đạo trụ trì. Bên cổng vào còn có gian nhà thờ Đức Thánh Phụ và Đức Thánh Mẫu của Ngài. Leo qua sườn núi thẳng lên tới đỉnh, ta thấy một khoảng đất đá bằng phẳng, xung quanh có nhiều mô đá châu vào, đó là “Chợ Trời”. Tương truyền nơi đây thần tiên vào buổi tối thường xuống vui chơi đánh cờ.

Cảnh đẹp nơi này đã gợi thi hứng cho rất nhiều tao nhân mặc khách đến Chùa Thầy như Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Thượng Hiền, Lê Thánh Tông, v.v... và để lại vô số các bài thi ca trên núi.

Lại theo đường mòn Chùa Cao, ta đi vòng về phía bên phải sườn Chùa tới hang Các Cờ. Ở đây hang động rất sâu khó đi vào, trong hang tối lờ mờ phải dùng đuốc mới đi được. Đặc biệt phải nắm tay nhau mà xuống, người nọ dựa sức người kia mà đi, vô tình nhiều người nên bạn nên bè từ đó. Xuống dưới ta thấy có bể xương to. Vào thời vua Bảo Đại đã cho xây rồi cho ba năm tìm kiếm để quy tụ lại bể tôn thờ, tôn xưng những vị đó là anh hùng rồi đổi tên hang thành “Hang Thần”. Từ đó đến nay du khách nam nữ

trẩy hội, chơi xuân Chùa Thầy ít ai không một lần xuống Hang Thần.

Hang Cắc Cớ còn có tích kể khi nghĩa quân của Lữ Gia chống nhau với quân Hán, yếu thế rút vào động, bị quân Hán bao vây nên các tướng sĩ đã tử trận tại dưới hang này.

Từ hang Cắc Cớ men theo hàng cây đại già cổ kính có đường mòn, ta đến Đền Thượng là nơi thờ Thánh Văn Xương đế quân, nơi hội họp của Đông Kinh Nghĩa Thục xưa kia. Đi thăm tiếp ta đến Hang Gió, chùa Bối Am còn gọi là chùa Một Mái (chùa chỉ có một mái dựa vào vách núi).

Bên cạnh chùa còn có thêm Đá Thái Lão, đền kỉ niệm của Phan Huy Chú, tiếp đến là nhà lưu niệm Bác Hồ, hang Bác Hồ. Khu chùa Một Mái có nhiều kỉ niệm như nhà bác học Phan Huy Chú đã 10 năm ẩn mình để viết bộ "Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí", một bộ sách Bách khoa toàn thư đồ sộ. Và cũng chính nơi đây Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ba lần về thăm và làm việc trong thời kháng chiến cứu nước.

Ngoài khu vực chính của Chùa Cả, phía trước hồ Long Trì có Chùa Long Đầu được xây dựng vào thời Trần niên hiệu Hưng Long thứ hai (1294). Đến thời vua Trần Dụ Tông (1361), chùa được trùng tu tôn tạo. Thời vua Lê Thần Tông có trùng tu lại, từ đó đến nay chùa đã nhiều lần tu sửa. Đặc biệt năm 2010-2011 Đại Đức Thích Minh Xuân trụ trì chùa Long Đầu kết hợp cùng địa phương đứng ra đại trùng tu tôn tạo, quy hoạch thay đổi kiến trúc phát huy bản sắc văn hóa, nên chùa có vóc dáng quy mô hoành tráng như ngày nay.

Phía đông - nam của Chùa Cả là chùa Hoa Phát nằm dưới chân núi Hoa Sơn. Chùa được xây dựng vào thế kỉ XVII trên sườn núi đến đầu thế kỉ XIX được di chuyển xuống dưới chân núi như ngày nay. Chùa Hoa Phát có hệ thống tượng tròn điêu khắc hoa văn đường nét tinh xảo, đạt giá trị nghệ thuật cao.

Chùa Hoa Phát có núi Hoa Sơn là nơi tích trữ đá hoa cương quý. Năm 1973, Nhà nước đã cho khai thác một phần để góp phần xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cách chùa Hoa Phát khoảng 500m là chùa Khánh Tân (Hương Khánh Tự). Chùa vốn được xây dựng từ thế kỉ XVII ở trên núi Hương Sơn và núi Phượng Hoàng. Năm 1937 do Nhà nước có nhu cầu về vật tư xây dựng nên đã di chuyển hai ngôi chùa vào làm một ở trong làng. Nơi đây xưa xưa là xóm Tân Hương, trang trại Khánh Tân thuộc làng Đa Phúc. Sau này phân chia địa giới hành chính nên tách làng thành thôn Khánh Tân. Kiến trúc của chùa làm theo lối cổ hình chữ Đinh, phía sau là nhà thờ Tổ, thờ Mẫu. Năm 1938, nhân dân đã thỉnh sư cụ Đàm Thuận về trụ trì.

Cách Chùa Cả 1 km về phía bắc đi sâu vào trong làng có một ngôi chùa gọi là "Phúc Lâm Tự". Năm 1992, Đại đức Minh Thuận về phục vụ tín ngưỡng và tu bổ một số hạng mục công trình tại đây. Chùa làm theo kiểu chữ Công, trong nội điện có bài trí tượng lồi mít đắp thổ ra ngoài được tạc vào khoảng cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Sau này đệ tử của Đại đức Minh Thuận là Đạo Hòa lại cho trùng tu tôn tạo quy mô to đẹp như ngày nay.

Ngoài hệ thống chùa và quần thể di tích ra còn có các ngôi đình cổ như Đình

Thụy Khuê, Đình Đa Phúc, Quán Tam Xã, Đình Khánh Tân, Đình Phúc Đức.

Về sự tích Thiền sư Từ Đạo Hạnh, sách *Đại Nam nhất thống chí* chép như sau: “Thiền sư họ Từ, tên Lộ, tự Đạo Hạnh, con của Quan Đô Sát Từ Vinh, mẹ là Tăng Thị Loan quê ở làng An Lăng, huyện Vĩnh Thuận nay là làng Láng, huyện Từ Liêm Hà Nội”. Tương truyền khi sinh Ngài, cha mẹ đã tìm thấy được đất lành “hình bông hoa sen”, trên cánh đồng thôn Đồng Bụt, huyện Yên Sơn. Sau khi phân lại ranh giới hành chính thì khu vườn nở hình bông hoa sen này thuộc thôn Đồng Khanh, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Nay trong chùa Đồng Bụt còn có khám thờ tượng “Thiền sư khi sơ sinh” và câu hoành phi mang tên “Thiền Sư Tự”. Hướng chùa nhìn ra khu vực vườn nở hình bông hoa sen. Hằng năm, từ thời xa xưa cho đến nay làng Đồng Bụt vào những dịp lễ hội Chùa Thầy vẫn tổ chức tắm Thánh rồi rước long vị cùng lễ nghi ra Chùa Thầy tế lễ. Nay trong làng Đồng Bụt còn có nền nhà cũ họ Từ, trước chùa có 70 mẫu ruộng thuộc họ Từ, đều là tự điền được văn bia của chùa ghi lại. Thiền sư là một người có trí thông minh xuất chúng. Lớn lên Ngài ứng thí khoa Bạch Liên, đỗ đầu nhưng không ra làm quan. Vì có mối duyên chắt lành của cha nên đã xuất gia học đạo. Rồi cùng với các ngài Giác Hải, Minh Không sang Tây Thiên (Ấn Độ) cầu pháp. Đi đến nước Kim Xỉ (nay là Myanmar) thì gặp được hoá thân của Bồ Tát Quán Thế Âm truyền pháp cho. Lúc này Ngài đã lĩnh được ý chỉ và đắc một phần pháp thân. Các ngài Giác Hải và Minh Không về nước trước Thiền sư Từ Đạo Hạnh gần một tháng. Do Bồ Tát biết

Ngài có căn duyên trả thù nên Ngài còn phải bị thử thách và huấn thị thêm. Khi đã thuần phục Ngài dùng phép dộn thổ để rút ngắn thời gian nên về trước và hẹn gặp mặt nhau rồi cả ba người chia tay tại khu vực Chùa Tổng huyện Hoài Đức bây giờ. Hiện trong Chùa Tổng, chùa La Phù còn tôn thờ thần tích “tượng của ba vị thiền sư”. Thiền sư Từ Đạo Hạnh trấn tích về núi Bồ Đà. Ngày đêm tu tập, đến khi thù cha đã trả xong thì niệm tục lắng trong, lòng thiền rộng mở, bèn đi khắp bốn phương tham thiền vấn đạo.

Trong nhà Phật có câu: Khi nhân duyên chín muồi: “Quyết hạ đao, lập địa thành Phật”. Lúc ngộ được tâm ấn, Thiền sư Từ Đạo Hạnh trở về giảng đạo, dạy học, hái thuốc giúp dân, tổ chức cho dân những trò chơi như đá cầu, đánh vật, múa rối nước, v.v... Do đó, nhân dân cảm phục kính mến gọi Thiền sư bằng một từ thân mật, gần gũi là “Thầy”. Bởi vậy chùa Ngài tu có tên là Chùa Thầy, núi Ngài hóa là Núi Thầy, làng Ngài sống là Làng Thầy, thậm chí đến cả tổng đó cũng là “Tổng Thầy”. Núi Sài theo thuyết phong thủy là con rồng lẻ đàn, nhưng quần tụ với các ngọn núi khác tạo nên một vẻ đẹp hài hòa do thiên nhiên ban tặng. Gồm 16 quả núi hình thể là Quy, là Phượng, là Hồ Sơn, v.v... châu về Núi Rồng. Nhìn từ trên đỉnh Núi Thầy ta thấy quần thể chùa như một “Vịnh Hạ Long cạn” nổi lên giữa đồng bằng.

Thiền sư Từ Đạo Hạnh là bậc thầy cao tăng đến trác tích ở núi Bồ Đà. Vua Lý Nhân Tông đã cao tuổi mà vẫn chưa có con nối dõi, em vua là Sùng Hiền Hầu cũng chưa có con, nên đến với Ngài Từ Đạo Hạnh xin bàn chuyện cầu tự. Ngài

Từ Đạo Hạnh hẹn khi nào phu nhân sắp sinh thì báo cho biết trước. Khi phu nhân sắp sinh, người nhà Sùng Hiền Hầu liền đến báo với Từ Đạo Hạnh, Ngài lập tức tắm rửa, cởi áo Cà Sa, khoác áo Long Bào vào trong động trút xác (giải thi), thì vừa lúc phu nhân sinh một cậu con trai, ấy là Thần Tông. Thiên sư dặn sau 100 ngày nếu thấy xác Ngài không tan rã thì mang xuống thờ. Quả nhiên càng ngày xác Ngài càng toả hương thơm và có các điềm lành. Người làng cùng các đệ tử thấy những điều kì lạ nên đem xác xuống núi lập khám thờ tại Chùa Cả phụng sự. Năm ấy vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Hội Đại Khánh thứ tám (1117).

Về cố Thượng tọa Thích Viên Thành

Biết được cuộc đời éo le giả hợp, sớm nhận ra chân lí sống, Thượng tọa Thích Viên Thành là một trong những học đồ xuất chúng kế vãng khai lai, truyền đăng tục diệm làm vị Tổ thứ 11 chốn Tổ Đình Hương Tích, dòng truyền thừa Tào Mật. Ngài sinh ngày 01/6/1950 (năm Canh Dần). Hành trạng suốt cuộc đời của Thượng tọa đã dấy lên biết bao pho kinh sách, trước tác bao tác phẩm thi ca và hoàn thành vô số hạnh nguyện theo gót Phật, để lại bao trang sử hiển hoà khả kính. Tuy xác thân tứ đại đã qua đi, nhưng những hình ảnh thân giáo, khẩu giáo, triết lí sống ấy, luôn len lỏi, thức tỉnh và đồng hành cùng biết bao người đệ tử xuất gia, cũng như tại gia. Từ Tăng cho đến tục, Thượng tọa luôn luôn hết mình lập hạnh nguyện để cứu đời.

Từ năm 12 tuổi (1962) sớm nhận ra chân lí, nên Ngài đã chia tay với gia đình để dấn thân trên con đường cần cầu chính pháp, bỏ lại đằng sau những tuế nguyệt cùng cỏ hoa. Dầu biết rằng ơn

nghĩa dưỡng dục khó quên nhưng nguyện chứng chân sẽ báo đền. Trong hai năm đầu đi tìm thầy hay bạn tốt chưa được nhưng hạnh nguyện vẫn thiết tha. Đến năm 1964, thì Thượng tọa được sư cụ Đàm Viên nhận làm người đỡ đầu cho vào tu học tại chùa Cao Lá, Thanh Mỹ, Sơn Tây. Từ đó, Ngài ngày đêm miệt mài đèn sách, gỡ bỏ mọi phan duyên nguyện trọn đời, vĩnh kiếp thâm nhập đạo thiên. Ngài thể hiện hạnh nguyện bằng những câu thơ:

“Từ nay gỡ sạch mối phan duyên

Vĩnh kiếp yên tâm học đạo thiên

Rèn luyện khiến tâm thường tịch tĩnh

Rũa mài cho trí thật uyên nguyên

Thê tu mãi đến khô dòng ái

Nguyện dập tới khi tắt lửa phiền

Tận tụy hiến thân vì chính pháp

Đi theo đường hướng của tiên hiền”.

Dầu có nguyện riêng nhưng thân cô bé nhỏ và lại sống trong cảnh thiếu thốn đủ thứ, gió rét đêm thâu, nắng lửa mưa to lòng vẫn can đảm kiếm củi, gánh nước... cơm rau đạm bạc độ thân qua ngày. Ngài luôn sống với tinh thần hoà mình vào thiên nhiên cùng câu kinh tiếng mõ, gửi gắm cùng hương xạ tâm can, lòng thanh thản chuyên tâm trí vững bền tu học. Ngài đọc Tây Du Ký mà hồn muốn thả vào Tam Tạng Pháp sư. Dầu vẫn hiểu đường về Bảo Sở còn nhiều chông gai cạm bẫy, nhưng Thượng tọa tin tưởng lời Đức Phật dạy nên khó khăn nào cũng vượt qua. Bằng tố chất thông minh, bằng lòng gan dạ quả cảm, bằng sự nhẫn nại khiêm cung, bằng chính sức mình để đạt được thành quả khá dồi dào, mà Thượng tọa vẫn thâm nghĩ:

*“Ta luôn nghĩ đến phận ta hèn
Chăm chỉ đêm ngày học gắng lên
Bấy chú trầm luân đang đợi cứu
Bốn ơn thâm trọng vẫn chưa đền
Cổ xe đại, tiểu cần quay bánh
Cánh cửa luân hồi phải đóng then
Nay sẵn đèn từ cơ hội tốt
Gắng cho cõi tịnh nẩy mầm sen”.*

Tháng 10-1964

Và Ngài phát nguyện:

*“Thấp trước Phật đài một nén hương
Rì rầm nguyện dưới bóng từ lương
Hữu tình tấc tối thể dong đuốc
Hàm thức mê man quyết dẫn đường
Biến cõi trầm luân thành Tịnh Độ
Bắc cầu hạnh nguyện tới Tây Phương
Dù gian khó vẫn không lùi bước
Khoác áo Như Lai để tự cường
Đã vì chân lí tới am mây
Còn có lo gì dấn với cay
Sắt thép bền tâm thể giữ đạo
Đá vàng vững chí nguyện ăn chay
Gió to sóng cả từng quen thuộc
Nhấn nhục độ sinh theo gót Phật
Làm cho biển phúc được chan đầy”.*

Từ những lời nguyện tự đáy lòng, Thượng tọa Thích Viên Thành đã lần vượt qua bao gian khó, vững bước đi trên con đường hạnh nguyện của mình. Rời chùa Cao Lá đến chùa Pháp Tràng Phật Ấn, rồi về chùa Hương Tích, đến đây tạm dừng chân để thỏa lòng sôi kinh nấu sữ, tham thiền, học đạo, chính thức sống theo quy củ thiên gia. Thừa sự giáo huấn của Tổ đệ Thập, đèn nhang khuya sớm

phụng Phật, sự sư ròng rã bao năm, đọc, học nhiều bộ kinh lớn, hiểu thấu đạo mầu, thấu lượng ý chỉ, cô đọng lời lẽ để tỏ bày cùng tứ chúng.

Nhớ thời bao cấp, trời mưa rét mướt, với một chiếc xe đạp buộc chiếc đèn dầu ở càng trước chạy leng keng cút kít đó đây, làm công tác Phật sự, soạn thảo văn bản, in ấn các tài liệu cho huyện hội, tỉnh hội rồi Trung ương hội. Làm hết mình một cách đầy tự tin và trách nhiệm, gặp bao gian nan, vất vả, chướng ngại cũng không lùi bước. Rồi Ngài tham gia vào Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trong nhiều năm liền, kết hợp cùng các ban ngành, tranh thủ tiếp cận, tạo mối nhân duyên với các quý vị lãnh đạo từ cấp Trung ương tới địa phương để tạo điều kiện cho Giáo hội hoạt động suôn sẻ. Trong các mùa An cư kết hạ, Thượng tọa bao giờ cũng là người sốt sắng lo toan từ khâu nhân sự đến mọi nghi thức trong toàn khóa. Tạo mọi điều kiện trong khả năng của mình để ủng hộ Đạo tràng, cơ sở An cư, luôn luôn tìm tòi kinh sách mới - cũ, biên soạn nhiều giáo trình, giáo án để làm đề cương giảng dạy như: Kinh Kim Cương Bát Nhã, Kinh Pháp Cú, Kinh Duy Ma, Nhân Minh Học, Duy Thức Học, v.v... và còn kết hợp với một số nhà trí thức biên soạn, dịch kinh sách có đến gần 20 đầu kinh sách. Ngoài ra, Ngài còn viết chép, dịch biết bao các văn bia, sáng tác thi ca trong đạo để phổ cập răn đời, viết các sách giới thiệu các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, đặc biệt là hai ngôi chùa lớn mà Thượng tọa trụ trì như chùa Hương Tích, Chùa Thầy. Ngài còn kiêm nhiệm trụ trì và nhận trông nom, hướng dẫn cho bao ngôi chùa trong các tỉnh thành phía Bắc

để cho sinh hoạt của các đệ tử, Tăng Ni, Phật tử được diễn ra bình thường, đem lại sự an lạc và phát triển văn hóa cộng đồng, nhằm ổn định tinh thần góp phần đảm bảo an ninh xã hội cho toàn thể cộng đồng nhân dân yên tâm an cư lạc nghiệp. Có thể nói, Thượng tọa là một người có lòng bao dung độ lượng có phẩm chất đạo đức cao đẹp, tiếp chúng độ nhân. Ngay trong khi còn đang ngồi trên ghế của Trường Cao cấp Phật học khóa I, Ngài đã tiếp nhận độ đệ tử. Trong khoảng thời gian năm tháng đã độ 21 đệ tử xuất gia và gần một chục vị xuất gia y chỉ. Ngài tạo mọi điều kiện có thể cho Tăng, Ni thụ giới để làm ruộng cật, động lực tiến tu đạo nghiệp phát triển ngôi nhà Giáo hội.

Ngài không những chăm lo cho Đại Đức Tăng Ni tu học nói chung mà còn luôn tận tụy đi thuyết giảng ở các tỉnh thành khác, đặc biệt là ở Hà Nội, Hà Tây cũ, Phú Thọ, Vinh Phúc, v.v... Thượng tọa tùy theo căn cơ trình độ, công việc mà phương tiện truyền trao, dạy bảo, giúp đỡ tu học các môn học khác nhau, để họ có sức khỏe, có trình độ Phật học cũng như thế học, có tư cách đạo đức tốt để góp phần tiến tu đạo nghiệp và yên tâm trong công tác xã hội cũng như sinh sống. Không kể ngày hay tối, hễ còn thời gian Ngài lại nghiên cứu kinh điển hoặc viết sách. Thượng tọa là một vị hành hạnh lợi tha, noi theo hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên hễ nghe chỗ nào có gian khó là Ngài lại đến hỏi thăm giúp đỡ, dù ít dù nhiều, tinh thần hay vật chất như thăm và tặng quà trại trẻ mồ côi, người già cô đơn Thụy An, Sơn Tây, trại phong Quốc Oai, trại phong Thái Nguyên và còn ủng hộ đồng bào lũ lụt,

quỹ khuyết học, quỹ đền ơn đáp nghĩa, v.v... Ngài luôn tận tụy hết lòng hết sức chăm lo nuôi dạy đệ tử, tứ chúng. Hễ có người thỉnh cầu, thu xếp được thời gian là Ngài sẵn sàng đi giúp đỡ không kể xa gần, nắng mưa, sớm tối.

Thượng tọa là một con người mẫu mực, khả kính, năng động biết khai thác và phát huy mọi khả năng của con người. Ngài đã mở lớp đào tạo Phật tử, thành lập các tổ đạo tràng chuyên tu theo Mật giáo, Hiển giáo; mở các đàn tràng ở các chùa để trao truyền Tam Quy, Ngũ Giới, Bồ Tát giới cho các Phật tử, mỗi năm có tới mấy nghìn người. Cho nên người lương đức theo học pháp của Thượng tọa ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam tương đối nhiều. Những vị có căn cơ cao thì điểm đạo truyền dạy pháp môn. Trong quá trình truyền dạy pháp môn, Ngài rất cẩn thận khảo nghiệm, lập danh sách, đánh số thứ tự và ghi rõ ai tu theo pháp môn gì, để có điều kiện theo tu học thì cần phải chuẩn bị tư lương như thế nào. Tuy Thượng tọa có đi sam thiền vấn đạo với các vị Cao Tăng trong nước và nước ngoài, nhưng Ngài rất biết chọn lọc, khế hợp đúng với chân như pháp tính của Đức Phật. Rồi Ngài soạn ra những phương pháp tu hành thứ lớp nông sâu khác nhau cho phù hợp với căn cơ trình độ, phong tục tập quán, văn hóa, khí hậu của người Việt.

Chân lí thành Phật chỉ có một mà phương pháp tu hành thì có nhiều. Mục đích của người con Phật là tiến tu đạo nghiệp để thành Phật, thành Tổ, thành chính giác, chứ không phải đi học thuật văn hóa nước ngoài để thêm công, mất sức, lãng phí thời gian. Trong ba tạng kinh điển của Phật pháp, Việt Nam cũng

đã có khá đầy đủ, người Việt Nam tu hành đắc đạo cũng không phải là ít. Vì vậy, các Phật tử hãy luôn tỉnh giác. Điều quan trọng là phải biết “vén bức rèm của hình thức” để đi thẳng đến chân như. Có “giác ngộ” mới có “tu chứng” cũng ví như ta có mảnh ruộng thì ta phải cày, cuốc, gieo trồng, cấy, làm cỏ, chăm sóc, bảo vệ thì mới có thu hoạch được hoa trái để nuôi sống con người. Còn nếu chúng ta chỉ vẽ lên nó những bông hoa đẹp hay vẽ những phong cảnh, thì người ăn bánh vẽ không thể no và sống được. Cho nên Tổ thường nói tu là sửa nhưng phải biết cái “sai” của mình thì mới “sửa được”. Quý Phật tử đã từng nghe, phần thô cơ bản khởi nguồn gốc, rễ, từ “Tham, Sân, Si” thì còn dễ bỏ, chứ phần tế thì phải sam thiền nhập định. Muốn nhập được định phải giữ gìn: “Giới và Luật nghi trọn vẹn, tinh nghiêm”, có như vậy việc tu hành mới có kết quả, không uổng phí một đời: “Lênh đèn làm khách phong trần mãi”.

Vậy là thắm thoát đã 10 năm thân tứ đại giả hợp của cố Thượng tọa Thích Viên Thành, pháp hiệu Nguyệt Trí, trụ trì Chùa Hương Tích, huyện Mỹ Đức và Chùa Thầy, huyện Quốc Oai.

Những hình ảnh, pháp âm và các tác phẩm của cố Thượng tọa vẫn luôn vang vọng và bám sát theo suốt cuộc đời của các đệ tử xuất gia cũng như tại gia, cùng hòa nhập với không gian và thời gian nơi đất Việt.

*“Thiên môn thi kí lữ hành trang
Sơn sát thể xưa cứng giời giang
Đạo hạnh nghìn năm còn vang bóng
Nối gót chân truyền Tổ dõi trông
Bốn một xuân qua cầu chân lí
Ba ba hạ lạc giới châu viên
Chùa Thầy, Hương Tích Tổ tương
truyền
Tứ chúng đồng tu vi bạn lữ
Trải dài hóa độ khắp nhân thiên
Phổ hiền tát cạn ai hiện hữu
Ngọc báu còn vang tiếng ảo huyền
Quán đỉnh nhân duyên truyền hậu thế
Xoay vòng Bát Chính độ sông mê
Nhân buổi tảo đặng nơi trác tích
Khẩu đầu đỉnh lễ tạ ân sư”.*

**CHÙA THẦY, NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM NHÂM THÌN (2012)
MÔN ĐỒ CHÙA THẦY KÍNH CẦN.**